

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai

Ngày 31/12/2025	9,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	16.5%	0%	-

DT thuần
Q4/25

6.40

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.80| -57.9%

YoY: ▼20.2| -76.0%

LN thuần
Q4/25

-7.04

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.89| 29.1%

YoY: ▼8.05| -797%

LN sau thuế
Q4/25

-5.59

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.38| 37.6%

YoY: ▼2.14| -62.1%

Tỷ suất lãi EBIT
2025

-75.8%

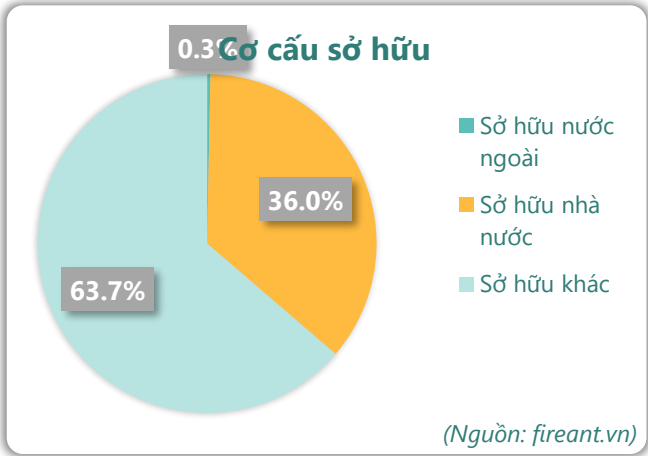
YoY: +/-▼ 69.5%

ROE
2025

-17.5%

YoY: +/-▼ 12.1%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,800 - 17,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	118
Số lượng CPLH (CP)	12,834,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	705
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	1.12
EPS	-2,062
P/E	-4.5



DT thuần
2025

34.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼59.8| -63.3%

LN thuần
2025

-18.5

tỷ VNĐ

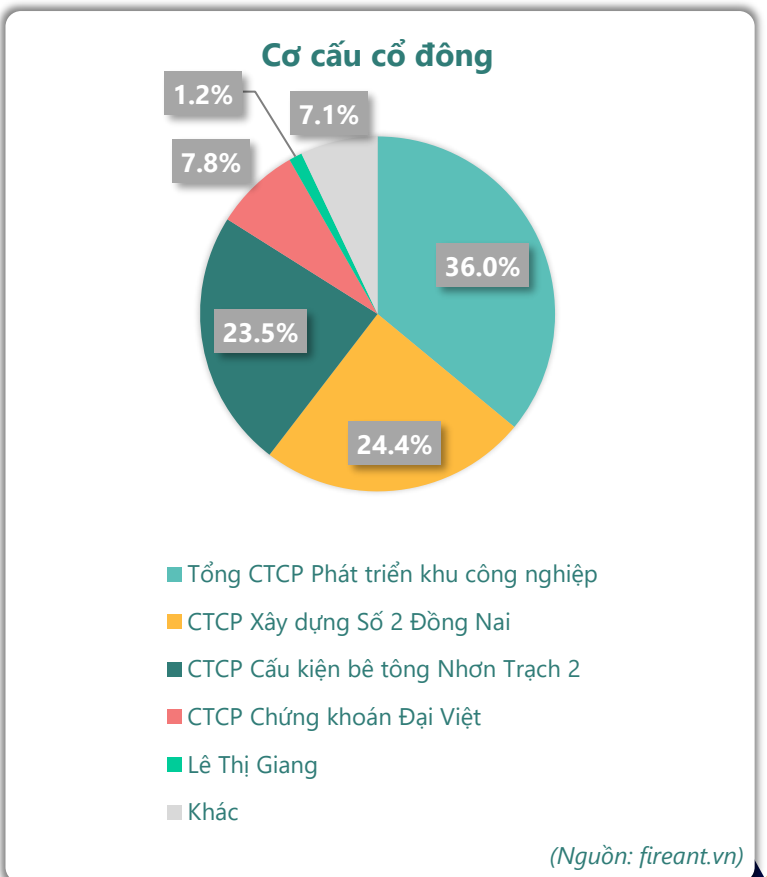
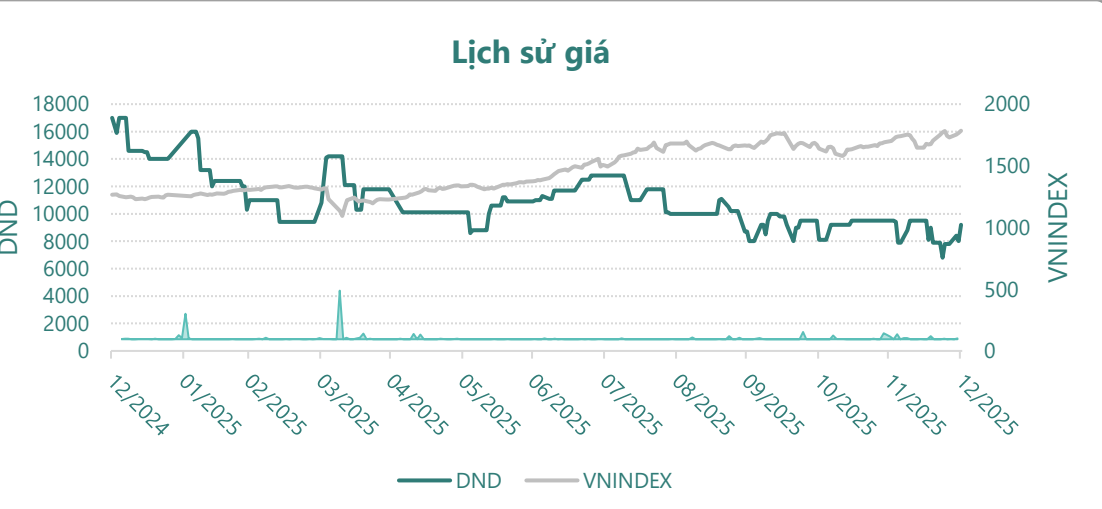
YoY: ▼19.1| -3234%

LN sau thuế
2025

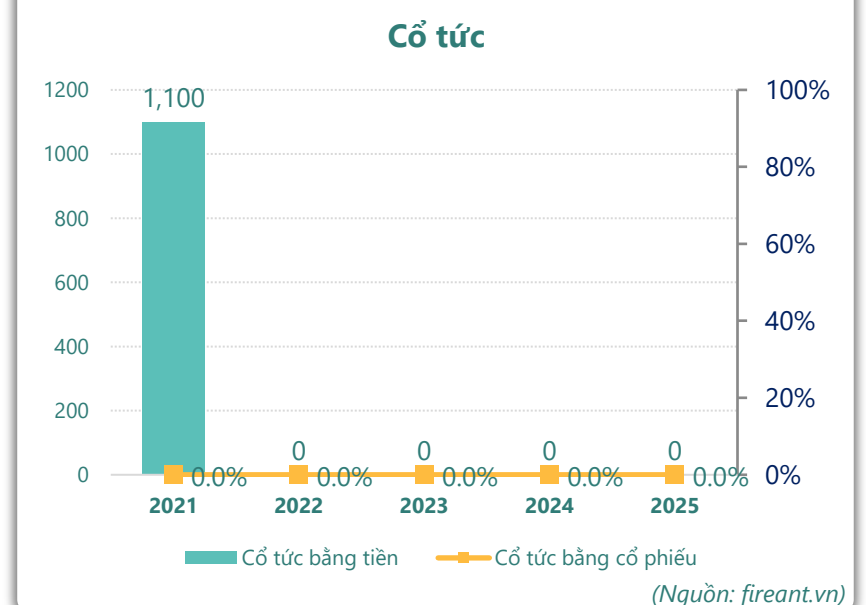
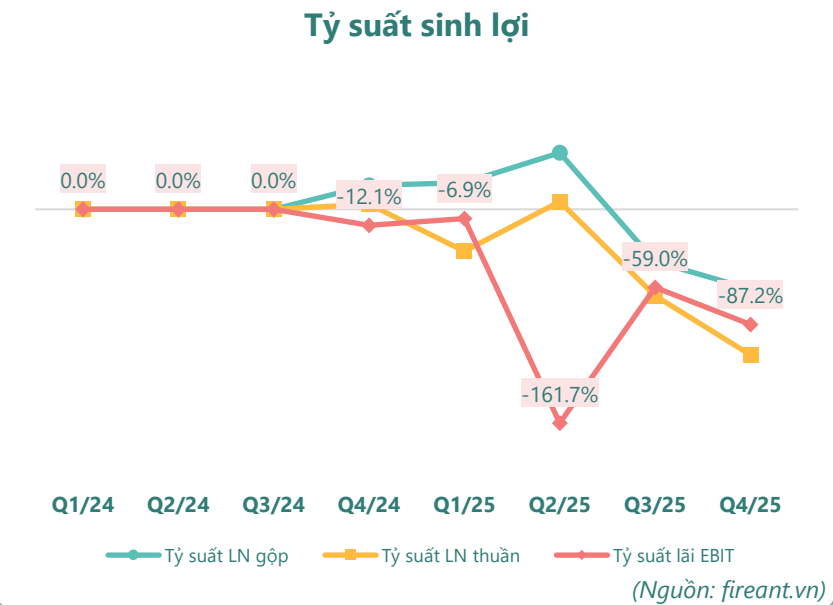
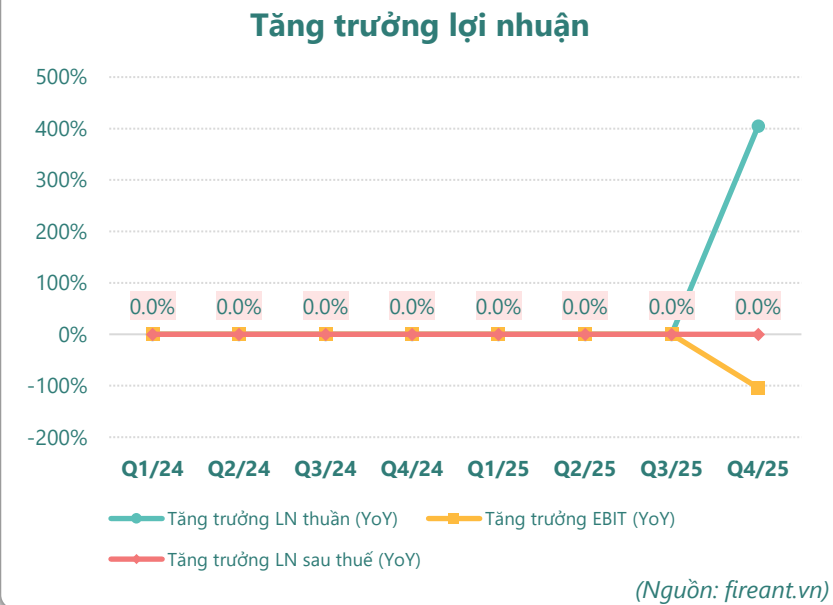
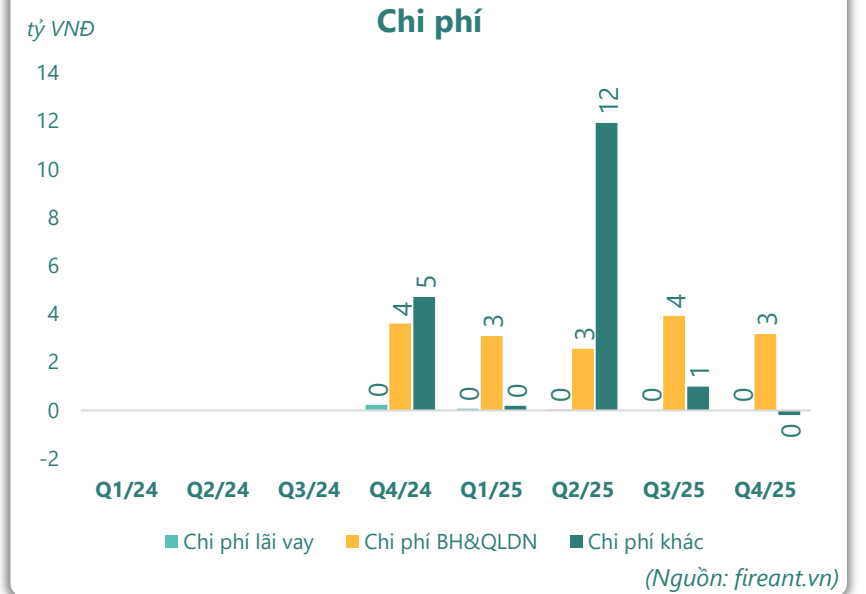
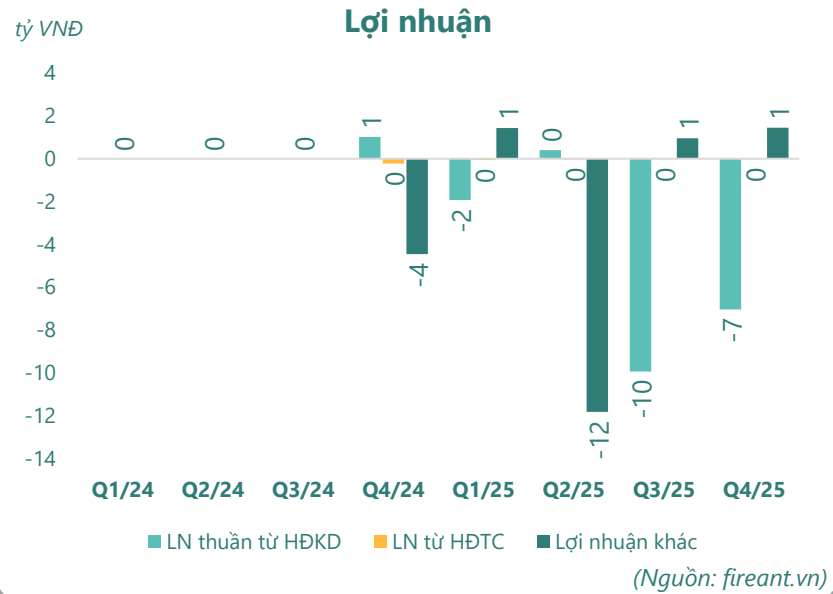
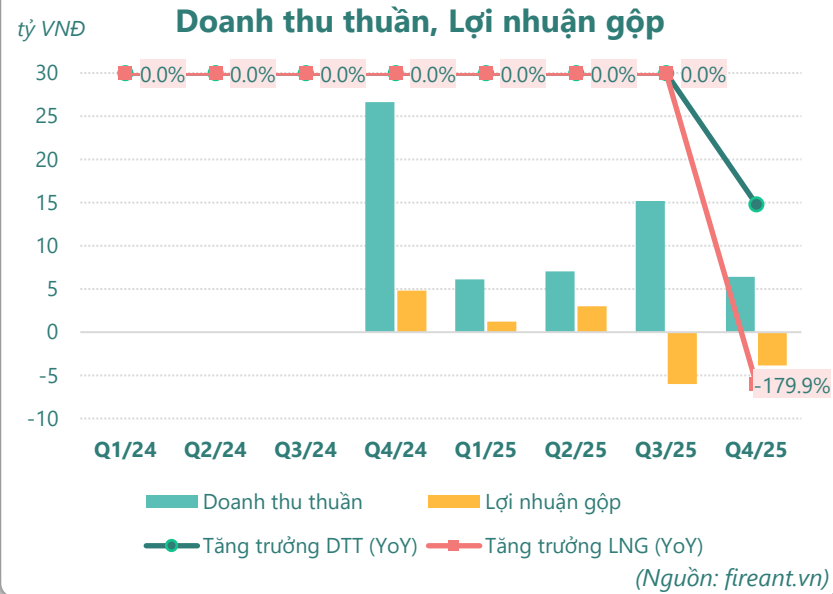
-26.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼19.4| -274%



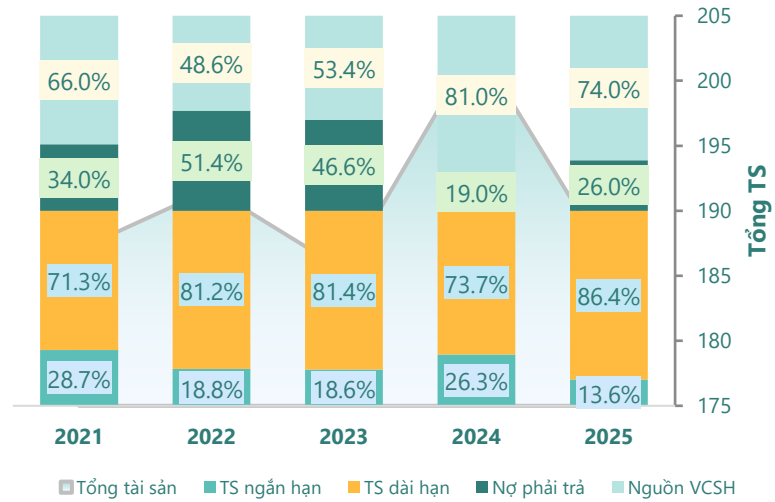
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

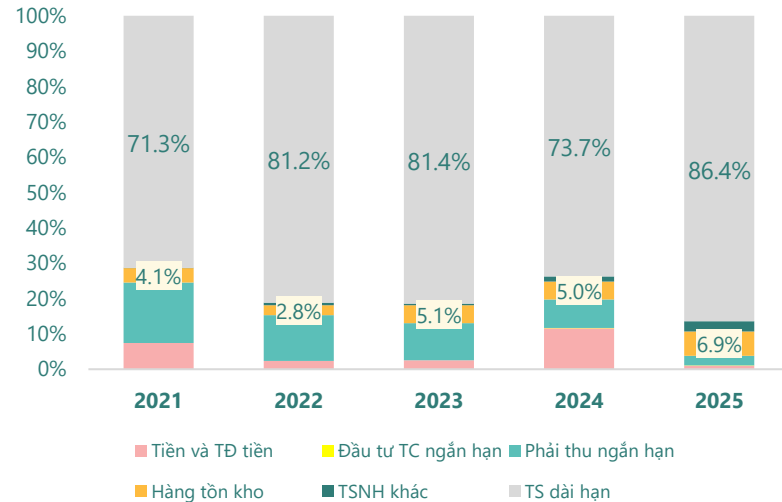
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

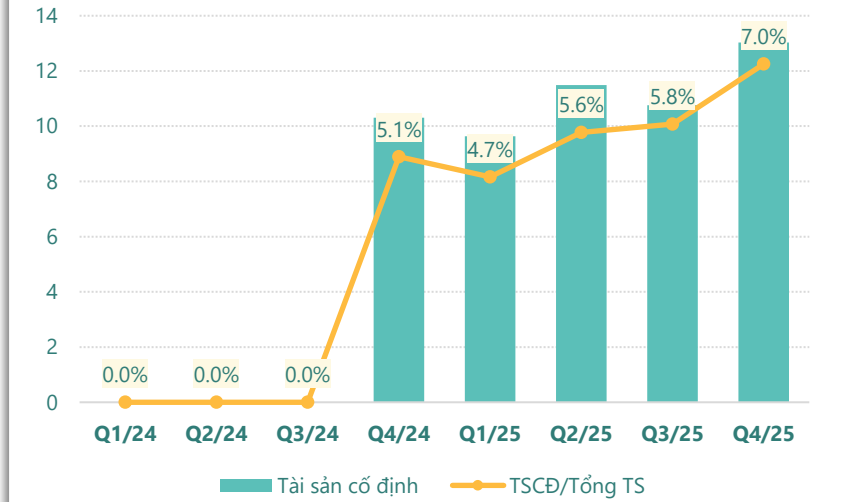
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

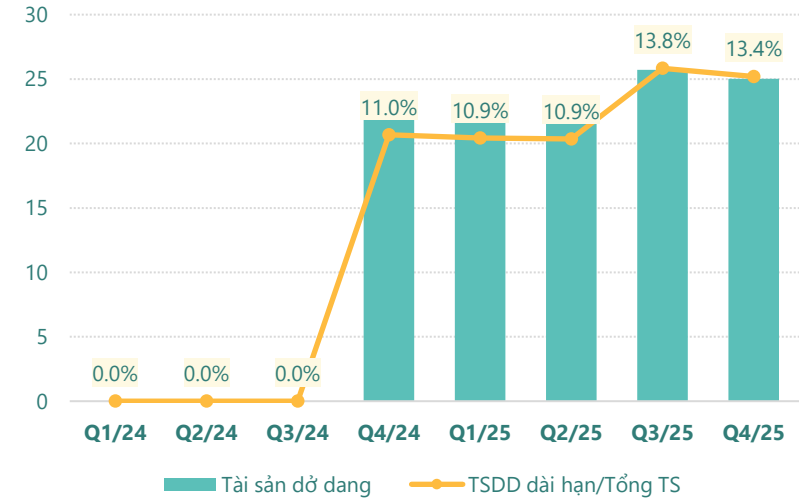
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

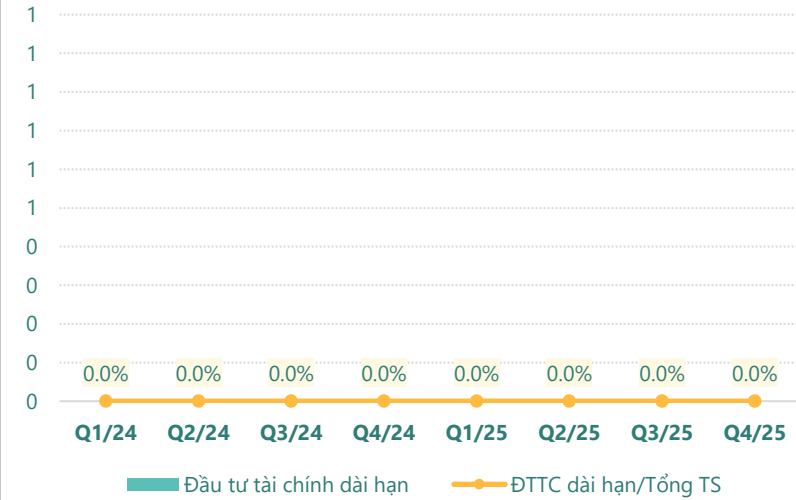
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

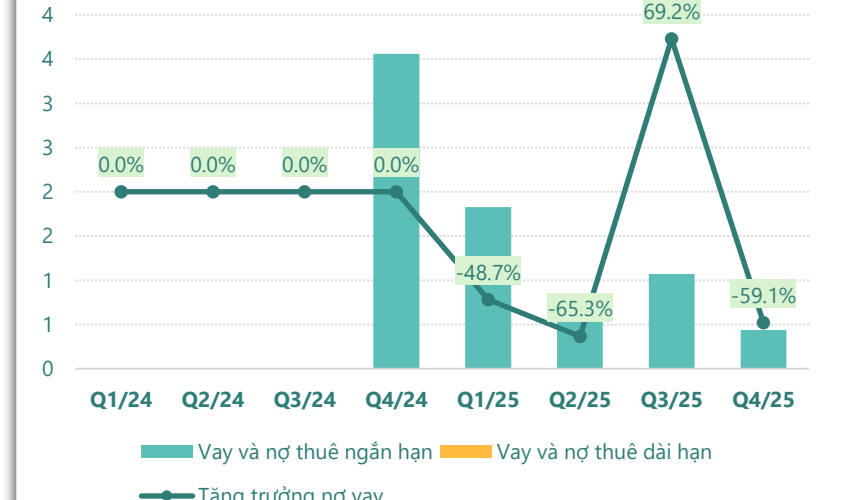
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

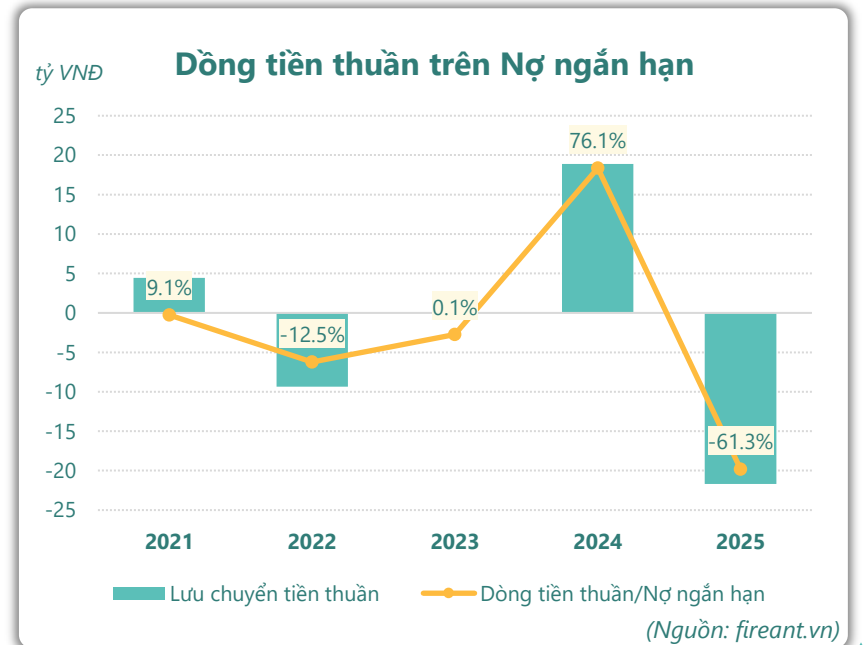
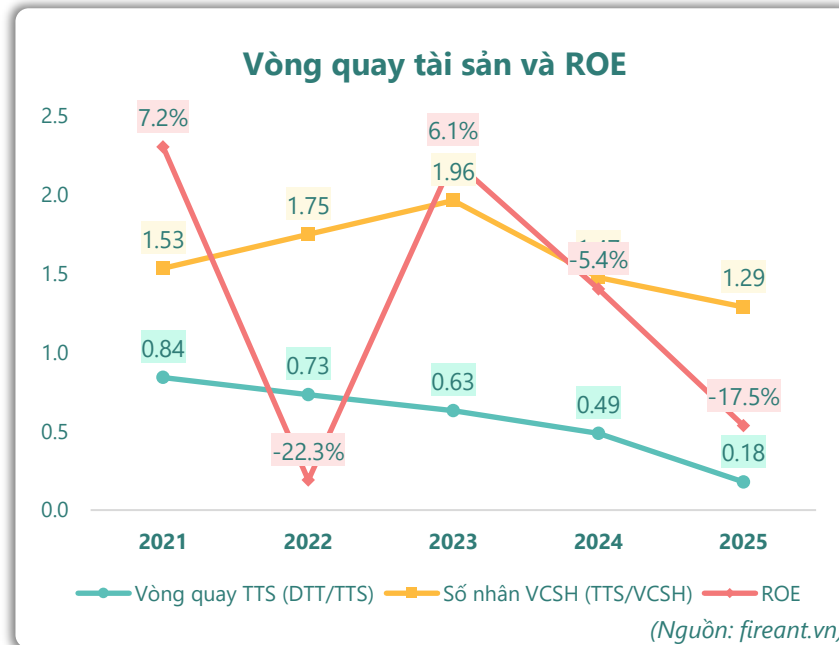
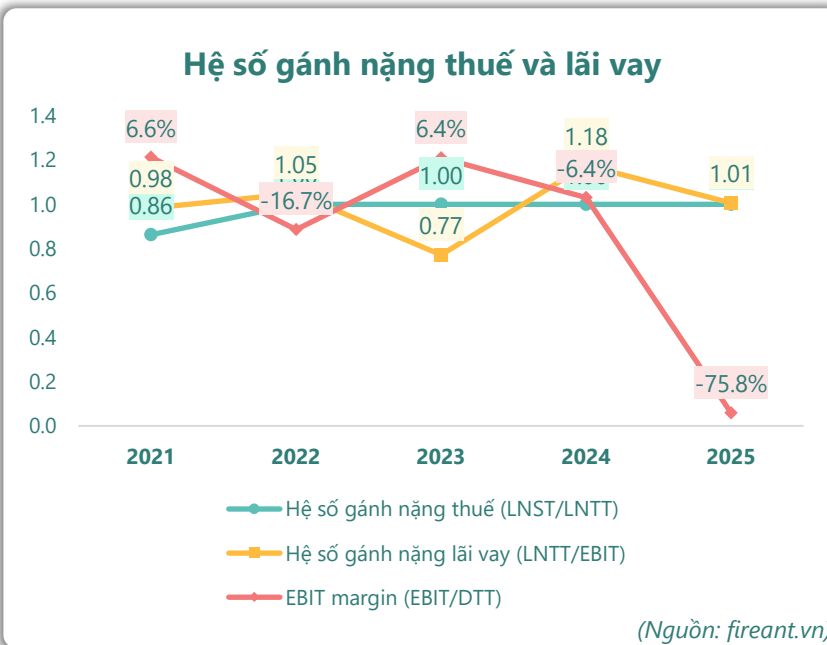
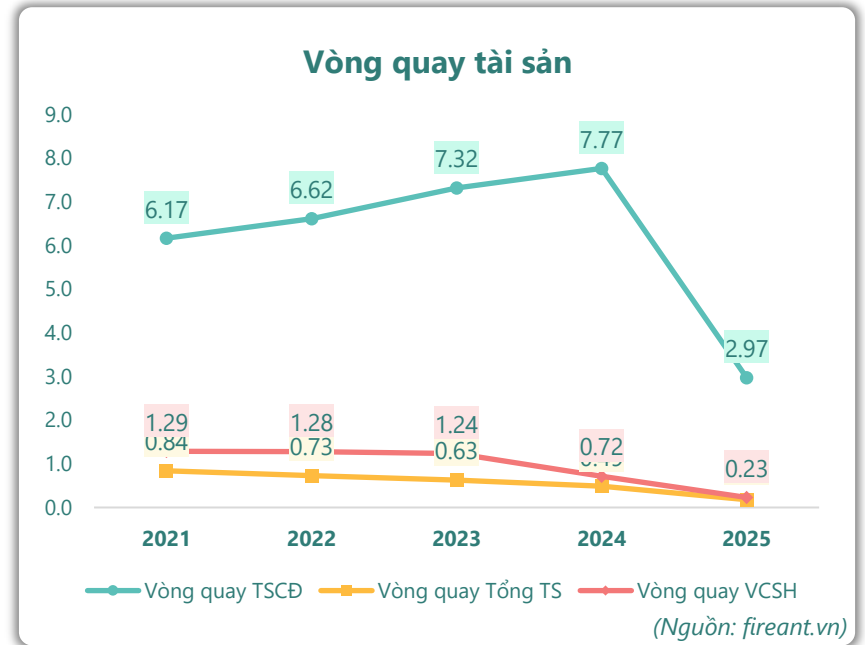
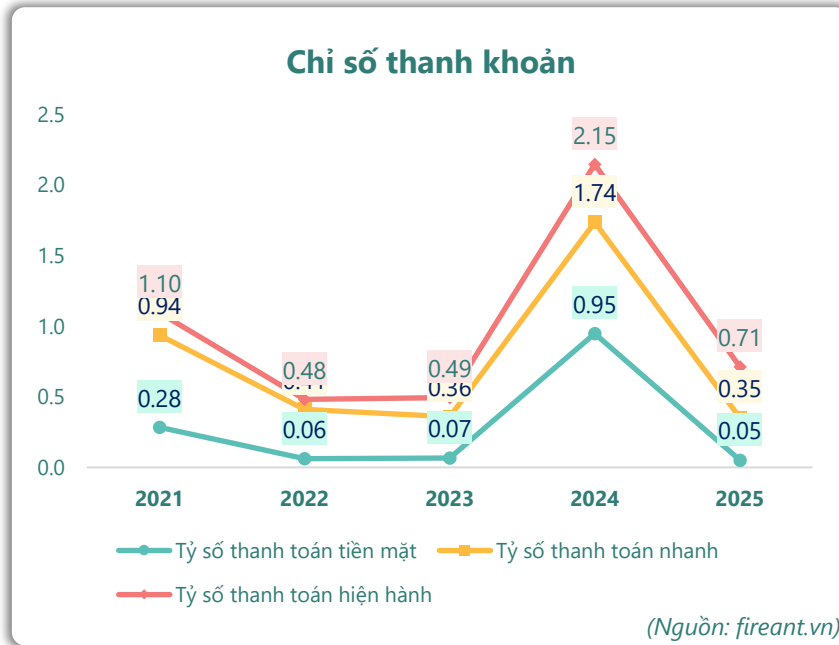
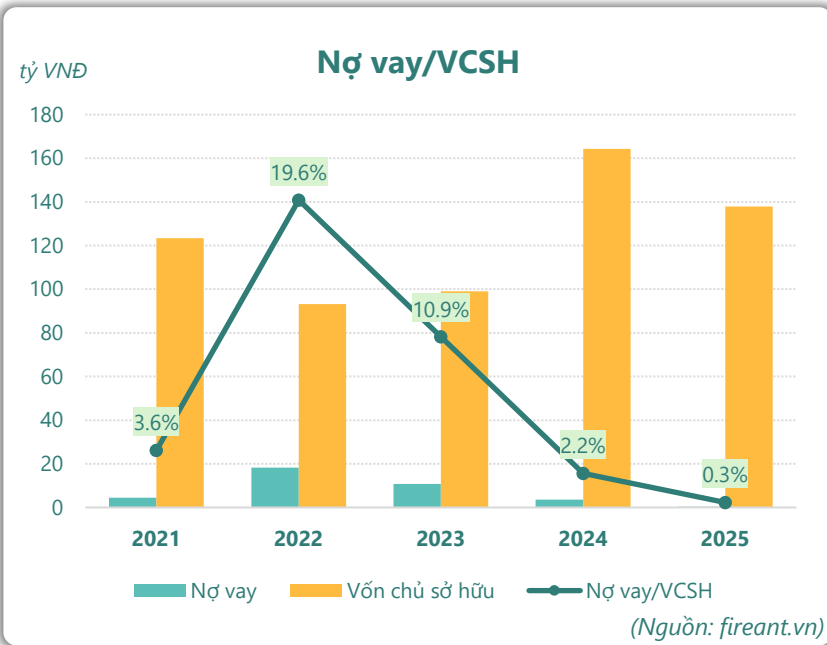
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	6.40	26.6	-76.0%	34.7	94.5	-63.3%
Giá vốn hàng bán	10.3	21.8	-53.0%	40.3	78.1	-48.4%
Lợi nhuận gộp	-3.86	4.83	-180%	-5.62	16.4	-134%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.01	-98.0%	0.02	0.02	5.5%
Chi phí TC	0.02	0.23	-92.8%	0.15	1.06	-85.9%
Chi phí lãi vay	0.02	0.23	-92.8%	0.15	1.06	-85.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.05	0.18	-71.1%	0.26	2.01	-86.8%
Chi phí QLDN	3.12	3.42	-8.9%	12.5	12.7	-2.0%
LN thuần từ HĐKD	-7.04	1.01	-797%	-18.5	0.59	-3234%
Lợi nhuận khác	1.45	-4.46	132%	-7.98	-7.66	-4.1%
LN trước thuế	-5.59	-3.45	-62.1%	-26.5	-7.07	-274%
Lợi nhuận sau thuế	-5.59	-3.45	-62.1%	-26.5	-7.07	-274%
LNST của CĐ cty mẹ	-5.59	-3.45	-62.1%	-26.5	-7.07	-274%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	-7.73	-11.8	-0.12	2.18
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0.01	-0.02	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-1.74	-1.83	0	-0.63
Tiền đầu kỳ	0	0	23.5	14.1	0.39	0.27
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	-9.46	-13.7	-0.12	1.54
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	14.1	0.39	0.27	1.81

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	186	203	-8.2%
Tài sản ngắn hạn	25.3	53.3	-52.6%
Tiền và tương đương tiền	1.81	23.5	-92.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.21	0.20	2.9%
Phải thu ngắn hạn	5.11	16.4	-68.8%
Hàng tồn kho	12.8	10.2	25.9%
Tài sản ngắn hạn khác	5.32	3.01	76.5%
Tài sản dài hạn	161	150	7.6%
Phải thu dài hạn	15.5	13.2	17.3%
Tài sản cố định	13.0	10.3	26.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	25.0	22.4	12.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	107	104	3.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	48.3	38.5	25.7%
Nợ ngắn hạn	35.4	24.8	42.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.44	3.56	-87.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	9.62	6.83	40.9%
Nợ dài hạn	12.9	13.7	-5.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	138	164	-16.1%
Vốn chủ sở hữu	138	164	-16.1%
Vốn điều lệ	128	128	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

